TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/DS-ST
Ngày 29/11/2021
V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Lê Văn Thành.**

2/ Ông **Nguyễn Minh Chơn.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Bảo Quốc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST-DS ngày 11/5/2021 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 244/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn D, huyện P, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn L,** sinh năm: 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2020).

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện C, thành phố C.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kiều T,** sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số L, khu dân cư A, phường P, quận C, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Trang T**, sinh năm: 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021).

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện M, tỉnh G.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường T, quận N, thành phố C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Phan Thị M**, sinh năm: 1984 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn D, huyện P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P và trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn L (đại diện ủy quyền của nguyên đơn) trình bày*: Trước đây thông qua quan hệ quen biết nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P có chuyển tiền hùn mua bán gạo với bà Nguyễn Thị Kiều T hai lần với tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), cụ thể:

Ngày 03/01/2019 chuyển 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Ngày 16/01/2019 chuyển 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ ông P thì bà T không kinh doanh mua bán gạo theo như nội dung đã thỏa thuận mà sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngày 05/11/2019 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C bà T đã thừa nhận có nhận số tiền trên của ông P và xin trả dần mỗi tháng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Nhưng cho đến nay bà T không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận mà chỉ chuyển trả cho ông P được 07 (bảy) lần với tổng số tiền là 294.908.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng), cụ thể:

Ngày 25/6/2019 trả 50.000.000đ.

Ngày 25/11/2019 trả 59.952.000đ.

Ngày 27/11/2019 trả 19.956.000đ.

Ngày 08/01/2020 trả 30.000.000đ.

Ngày 20/01/2020 trả 90.000.000đ.

Ngày 15/5/2020 trả 20.000.000đ.

Ngày 07/9/2020 trả 25.000.000đ.

Số tiền còn lại là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) cho đến nay bà T cố tình trì hoãn không chịu trả cho ông P. Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P số tiền nợ gốc là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 16/01/2019 theo mức lãi suất là 0.85%/tháng, tạm tính đến tháng 10 năm 2021, số tiền lãi là 141.678.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông P yêu cầu bà T trả là

646.770.000đ (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) và tiếp tục trả lãi cho ông P cho đến khi xét xử sơ thẩm.

* *Bà Nguyễn Trang T (đại diện ủy quyền của bị đơn) trình bày*: Bị đơn bà T thừa nhận trước đây có nhận số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Tấn P chuyển trực tiếp vào số tài khoản của bà T với mục đích là hùn kinh doanh mua bán gạo giữa hai bên. Sau đó có phát sinh tranh chấp, ông P đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công quan quận C khởi tố bà T, ngày 05/11/2019 bà T đồng ý chuyển trả số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) cho ông P.

Phía bà T đã chuyển trả cho ông P tổng cộng 07 (bảy) lần được tổng số tiền là 294.908.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng), hiện còn thiếu ông P số tiền là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng). Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P thì bà T thống nhất có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng), riêng yêu cầu lãi của nguyên đơn thì bà T không đồng ý do hiện nay tình hình dịch bệnh và làm ăn khó khăn nên bà T không có khả năng trả lãi.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Văn L (đại diện ủy quyền của nguyên đơn), bà Nguyễn Trang T (đại diện ủy quyền của bị đơn) vẫn giữ phần trình bày như trên của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; thời hạn xét xử đúng quy định; không phát hiện vi phạm.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định; riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn bà T đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận cam kết ngày 05/11/2019 có nội dung bà T đã cam kết trả lại số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) mà ông P đã chuyển hùn mua bán gạo, nhưng bà T chỉ chuyển trả được 07 (bảy) lần với tổng số tiền là 294.908.000đ (Hai trăm chín mươi bốn

triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng), số tiền còn lại là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) đến nay bà T không trả cho ông P. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn thống nhất trả số tiền còn lại cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng về số tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T có nghĩa vụ trả lãi cho ông P từ ngày tiếp theo của thời gian vi phạm, cụ thể là ngày 26/11/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm, về mức lãi suất đề nghị áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P cho rằng trước đây có quen biết nên có thỏa thuận hùn mua bán gạo với bà Nguyễn Thị Kiều T, sau đó ông đã chuyển cho bà T hai lần với tổng số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bà T không kinh doanh mua bán gạo như thỏa thuận, bà T đã trả lại cho ông được số tiền là 294.908.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng), còn lại số tiền 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) cho đến nay không trả, bà T cố tình trốn tránh kéo dài thời gian không trả số nợ còn thiếu, nên ông khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi suất. Quan hệ trong vụ án được xác định là "Tranh chấp đòi lại tài sản", vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Mười có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu của các đương sự*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trả số tiền còn nợ gốc còn thiếu là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P cho rằng trước đây thông qua quan hệ quen biết nên ông và bà Nguyễn Thị Kiều T có thỏa thuận hùn với nhau về việc kinh doanh mua bán gạo, cụ thể ông P sẽ hùn vốn để bà T kinh doanh mặt hàng gạo kiếm lợi nhuận. Thực hiện nội dung thỏa thuận ông P đã chuyển hai lần với tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), cụ thể ngày 03/01/2019 chuyển 400.000.000đ và ngày 16/01/2019 chuyển 400.000.000đ, cả hai lần ông P thực hiện chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản của cá nhân bà T 3244767 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh C, theo văn bản số: 141/CV-CTH.19 ngày 19/6/2019 của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh C phúc đáp Tòa án có nội dung xác nhận tài khoản 3244767 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh C chủ tài khoản là Nguyễn Thị Kiều T (BL 99), đồng thời đính kèm theo văn bản trên phía Ngân hàng còn cung cấp thêm thông tin là tài khoản số 3244767 của bà T tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh C có nội dung "Nguyễn Tấn P chuyển tiền kinh doanh mua bán gạo", và có thông báo cho chủ tài khoản bà T theo Giấy báo có số: 342 ngày 03/01/2019 và Giấy báo có ngày 16/01/2019 (BL 96, 98), Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh C thông báo cho bà T có nội dung ông P chuyển cho bà T tổng số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Đồng thời tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/10/2019 tại Công an quận C bà T thừa nhận "Vào khoảng tháng 01 năm 2019 giữa tôi và ông Nguyễn Tấn P có thỏa thuận hùn vốn kinh doanh gạo, cả hai thống nhất ông P góp vốn cho tôi số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Ngày 03/01/2019 ông P chuyển 400.000.000đ và ngày 16/01/2019 chuyển cho tôi số tiền 400.000.000đ vào tài khoản 3244767 mở tại Ngân hàng A – Chi nhánh C" (BL 159), sau đó giữa bà T và ông P có lập Biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2019 bà T thống nhất trả cho ông P số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) (BL 163) và cam kết trả dần số tiền này cho ông P cụ thể tháng đầu trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Trang T (đại diện theo ủy quyền của bị đơn) thừa nhận bà T có thỏa thuận với ông P về việc hùn kinh doanh mua bán gạo, sau đó ông P có chuyển cho bà T hai đợt tiền vào tháng 01 năm 2019 với tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), nhưng sau đó hai bên mâu thuẫn với nhau không có thực hiện việc mua bán gạo như nội dung đã thỏa thuận, phía bà T thống nhất trả lại số tiền đã nhận của ông P là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Sau khi cam kết với ông P về việc có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), bà T đã trả cho ông P 07 (bảy lần) được số tiền là 294.908.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn

đồng), cụ thể: ngày 25/6/2019 trả 50.000.000đ; ngày 25/11/2019 trả 59.952.000đ; ngày 27/11/2019 trả 19.956.000đ; ngày 08/01/2020 trả 30.000.000đ; ngày 20/01/2020 trả 90.000.000đ; ngày 15/5/2020 trả 20.000.000đ và ngày 07/9/2020 trả 25.000.000đ, số tiền còn lại là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) đến nay bà T không có trả cho nguyên đơn ông P theo đúng thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Trang T (đại diện ủy quyền của bị đơn) thừa nhận bị đơn bà T còn thiếu số tiền trên của ông P và thống nhất có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc còn lại là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) (BL 192, 217, 218, 237 và 240), theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Đương sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện". Như vậy, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn và lời thừa nhận của đại diện ủy quyền của bị đơn có đủ cơ sở xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T còn thiếu số tiền gốc của ông P là 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng), do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho ông P, không thực hiện nội dung đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 505.092.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P buộc bà T có nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) ông P chuyển cho bà T là để thực hiện nội dung thỏa thuận giữa hai bên là hùn mua bán gạo với nhau, hai bên không có thỏa thuận lãi suất cũng như chia lợi nhuận cụ thể với nhau. Do sau đó bà T không thực hiện đúng nội dung việc sử dụng số tiền trên với mục đích ban đầu mà hai bên đã thỏa thuận nên dẫn đến tranh chấp, ông P yêu cầu bà T trả lại số tiền mà mình đã chuyển cho bà T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể tại Biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2019 giữa ông P với bà T thì hai bên đương sự thỏa thuận thống nhất là đến ngày 25/11/2019 bà T sẽ trả cho ông P số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), đến ngày 25/12/2019 trả tiếp số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nhưng sau đó bà T đã không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận này, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung thỏa thuận nên bà T có nghĩa vụ trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P từ ngày tiếp theo của ngày chậm thanh toán, cụ thể là tính từ ngày 26/11/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 24 tháng (làm tròn), tại phiên tòa sơ thẩm ông

Lắm (đại diện ủy quyền của nguyên đơn) chỉ yêu cầu thời gian tính lãi làm tròn là 24 tháng, xét ý kiến này của phía nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về mức lãi suất trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông P yêu cầu bà T trả cho ông mức lãi suất là 0,85%/tháng, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này", theo nội dung Biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2019 (BL 163) giữa ông P với bà T chỉ thỏa thuận với nhau về số tiền bà T phải trả của từng khoản thời gian nhất định mà không có thỏa thuận về lãi suất nên đối chiếu quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì bà T có nghĩa vụ trả lãi cho ông P theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng.

Như vậy số tiền lãi bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn ông P là: (505.092.000đ X 0,83%/tháng) X 24 tháng = 100.614.300đ (Một trăm triệu sáu trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng).

Xét ý kiến nại ra của bị đơn bà T cho rằng do hoàn cảnh làm ăn bị thua lỗ nên không đồng ý trả lãi, xét lời nại ra này của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ trả nợ, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng số tiền trên là giao dịch giữa ông P với bà T nên chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông P, cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho ông P là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông P là: 505.092.000đ + 100.614.300đ = 605.706.300đ (Sáu trăm lẻ năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn ba trăm đồng).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phía dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 28.228.200đ (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.398.400đ (Mười tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 007326 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 158, 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P tổng số tiền là 605.706.300đ (Sáu trăm lẻ năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn ba trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc còn thiếu là 505.092.000đ và số tiền lãi là 100.614.300đ

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà T chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 28.228.200đ (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.398.400đ (Mười tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 007326 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh